



**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

Tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 37

1026
CÔ
KIẾ
V
AVH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hồng Minh	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2018)
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2018)
Ông Phạm Tuấn Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Hùng	Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 05 năm 2018)
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Tái bổ nhiệm</u>
Ông Vũ Hồng Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 25 tháng 05 năm 2018

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019
Theo Giấy ủy quyền số 29c/UQ-HĐQT
ngày 26/05/2018

Số: 287 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 04 năm 2019 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là báo cáo tài chính riêng).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản công nợ của Công ty đã thực hiện đổi chiếu như sau: Phải thu khách hàng là 56.174.248.344 VND (chiếm tỷ lệ 28,63%), người mua trả tiền trước là 238.918.040.335 VND (chiếm tỷ lệ 61,88%), phải trả người bán là 250.054.664.834 VND (chiếm tỷ lệ 85,63%), trả trước cho người bán là 2.299.241.802 VND (chiếm tỷ lệ 9,09%), phải thu khác là 15.534.404.400 VND (chiếm tỷ lệ 49,66%), phải trả khác là 33.005.690.121 VND (chiếm tỷ lệ 47,89%), các khoản vay là 234.552.809.845 VND (chiếm tỷ lệ 88,55%). Tổng giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa đổi chiếu, xác nhận số dư trên bảng cân đối kế toán là 427.737 tỷ VND (chiếm 32,32% Tổng tài sản). Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nào để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) đối với các khoản Phải thu khách hàng và Trả trước cho người bán tồn đọng với tổng số dư 19.287.799.556 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày hay không. Nếu phải trích lập số dư tồn đọng này thì Kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty sẽ lỗ trước thuế là 1,44 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính của các công ty liên kết gồm: Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng 1, Công ty CP Lắp máy Cơ giới và Xây dựng, tổng giá gốc của các khoản đầu tư vào 02 công ty liên kết này là 8.010.000.000 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan đến việc trích lập dự phòng đầu tư trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày hay không.

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai
Số 79 Đường Hùng Vương, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng
Tầng 4, số 19, Đường Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ
Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty đang theo dõi Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Dự án VĨNH LỘC B số tiền 16.062.251.205 VND đã tồn đọng từ lâu ngày chưa được quyết toán. Đây là dự án đã hoàn thành bàn giao nhưng do vướng mắc với chủ đầu tư nên chưa quyết toán được giá trị cuối cùng. Tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng liên quan cũng như các căn cứ để xác định điều này. Do đó chúng tôi không thể xác định được rằng liệu đây có thể là khoản tồn thât của Công ty trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày hay không.

Trong năm 2018, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” của các dự án với số tiền 5.925.075.282 VND. Nếu ghi nhận theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì số liệu chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và “Chi phí tài chính” cũng như “Lợi nhuận kế toán trước thuế”, “Lợi nhuận kế toán sau thuế” của Công ty sẽ thay đổi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn sang khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả số tiền 59.674.529.500 VND (thuyết minh số 19).

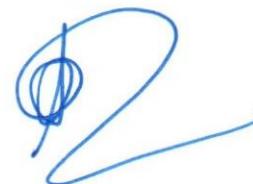
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty chưa ngoại trừ các giao dịch nội bộ giữa Văn phòng và các đơn vị thành viên. Nếu ngoại trừ các giao dịch nội bộ thì chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” sẽ giảm đi 52.062.719.163 VND, chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” sẽ giảm đi 55.407.249.052 VND, chỉ tiêu “Doanh thu tài chính” sẽ giảm đi 6.286.899.840 VND, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ giảm đi 1.060.570.937 VND, chỉ tiêu “Lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Lợi nhuận sau thuế TNDN” sẽ giảm đi 1.881.799.014 VND, chỉ tiêu “Hàng tồn kho” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phổi” sẽ giảm đi tương ứng 1.881.799.014 VND.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Chử Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1



Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2369-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		905.634.326.762	991.627.778.262
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.150.279.849	39.969.743.669
1. Tiền	111		5.150.279.849	39.969.743.669
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		242.078.119.202	272.106.576.316
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	196.203.917.907	207.359.627.685
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	25.294.186.094	43.361.568.130
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	20.580.015.201	21.385.380.501
III. Hàng tồn kho	140	8	656.652.255.923	667.253.985.945
1. Hàng tồn kho	141		656.652.255.923	667.253.985.945
VI. Tài sản ngắn hạn khác	150		175.367.1788	122.974.723.32
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	159.844.239	139.466.067
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.384.589.208	12.085.324.787
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	209.238.341	72.681.478
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		417.802.701.692	448.172.212.400
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.141.651.177	12.251.607.295
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	12.141.651.177	12.251.607.295
II. Tài sản cố định	220		25.692.756.474	43.123.298.793
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	24.980.014.074	40.935.056.784
- <i>Nguyên giá</i>	222		73.237.650.359	85.594.016.074
- <i>Giá trị hao mòn luỹ kế</i>	223		(48.257.636.285)	(44.658.959.290)
2. Tài sản cố định vô hình	227		712.742.400	2.188.242.009
- <i>Nguyên giá</i>	228		712.742.400	2.188.242.009
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	337.116.731.965	347.454.901.801
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		337.116.731.965	347.454.901.801
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	42.644.500.000	42.644.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.120.000.000	23.120.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.524.500.000	17.524.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		207.062.076	2.697.904.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	207.062.076	2.697.904.511
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.323.437.028.454	1.439.799.990.662

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.182.414.583.122	1.299.606.342.657
I. Nợ ngắn hạn	310		911.408.881.967	911.697.731.488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	251.141.199.466	267.339.626.542
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	386.111.376.544	286.447.594.729
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.940.872.657	1.865.168.623
4. Phải trả người lao động	314		4.612.783.874	3.119.162.513
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	61.523.946.982	69.781.059.389
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	5.498.016.351	816.822.736
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	41.787.571.808	72.119.409.094
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	141.652.805.425	192.709.291.009
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.140.308.860	17.499.596.853
II. Nợ dài hạn	330		271.005.701.155	387.908.611.169
1. Phải trả người bán dài hạn	331	13	40.866.517.642	38.414.717.706
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	46.774.890.619	37.276.287.600
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	60.123.388.498	64.858.540.283
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	123.240.904.396	247.359.065.580
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.022.445.332	140.193.648.005
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	141.022.445.332	140.193.648.005
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.397.147.481	93.397.147.481
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.500.000.000	7.500.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.125.297.851	9.296.500.524
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.168.433.082	7.900.961.257
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		956.864.769	1.395.539.267
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.323.437.028.454	1.439.799.990.662



Trần Văn Hùng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

Đặng Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		521.180.687.468		347.917.381.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	521.180.687.468		347.917.381.820
4. Giá vốn hàng bán	11	22	487.753.836.191		335.063.125.486
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.426.851.277		12.854.256.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.964.727.275		8.355.856.457
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	25	4.039.863.734		5.206.870.442
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23		4.039.863.734		5.206.870.442
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		13.288.919.167		6.100.659.595
10. Thu nhập khác	31	27	4.750.151.870		2.091.317.651
11. Chi phí khác	32		191.320.043		100.784.426
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.558.831.827		1.990.533.225
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.847.750.994		8.091.192.820
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.862.608.899		1.715.823.231
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.985.142.095		6.375.369.589



Trần Văn Hùng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

Đặng Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG
Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	694.463.352.101	505.127.905.400
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(471.455.651.967)	(465.272.002.587)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(33.453.054.104)	(28.082.135.652)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(13.270.243.279)	(17.234.287.469)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(4.153.115.193)	(2.957.831.264)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	131.433.861.184	109.556.369.323
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7	(176.896.744.326)	(142.297.594.695)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	126.668.404.416	(41.159.576.944)
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.341.965.538)	(14.399.317.151)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	17.648.681.783	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia	27	946.537.141	630.833.594
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	9.253.253.386	(13.768.483.557)
III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	180.351.684.856	329.481.360.955
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(351.092.806.478)	(259.364.392.086)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(170.741.121.622)	70.116.968.869
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50	(34.819.463.820)	15.188.908.368
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.969.743.669	24.780.810.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	24.305
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</i>	70	5.150.279.849	39.969.743.669



Trần Văn Hùng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

Đặng Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
 Người lập